

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20/12/2017

V/v: Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Huyền; Bà H' Rin Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2017 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sùng Thị M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn U, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Bị đơn: Ông Thào Nhè C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn U, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2017 và quá trình tham gia tố tụng bà Sùng Thị M trình bày:

- Bà với ông Thào Nhè C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng ông bà chung sống tại thôn U, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống gia đình hòa thuận đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C thường xuyên uống rượu đánh đập bà M, còn bán

tài sản để đi với người phụ nữ khác, một mình bà M chăm lo cho các con. Vào tháng 07/2017 bà M cũng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết Không công nhận là vợ chồng. Tòa án cũng đã thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó vợ chồng ông bà đã được phân tích, giải thích. Lúc đó bà M thấy hai người có thể hòa giải về với nhau để nuôi dạy con cái nên đã rút yêu cầu khởi kiện trước đó và Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2017. Nhưng sau đó ông C vẫn không sửa đổi bản thân, vẫn uống rượu, đánh đập bà và lại tiếp tục đi ở với người phụ nữ khác. Nay, bà xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung như vậy được nữa, giữa ông bà cũng đã hết tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án huyện Krông Bông không công nhận bà M và ông C là vợ chồng.

- Về con chung: Bà M và ông C trong quá trình chung sống có với nhau 06 người con chung tên là Thào Thị K, sinh ngày 10/7/2001; Thào Mí L, sinh ngày 06/8/2002; Thào Thị D, sinh ngày 15/9/2003; Thào Thị P, sinh ngày 09/10/2004; Thào Thị D1, sinh ngày 08/6/2015; Thào Mi G, sinh ngày 10/01/2017.

Nguyện vọng của bà muốn được nuôi dưỡng cả 06 người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng để nuôi các cháu K, L và D.

Đối với các cháu P, D1 và G bà yêu cầu ông C có trách nhiệm đóng góp một tháng là 1.200.000đ, mỗi người con là 400.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà M cũng xác định bà và ông C đã tạo lập được một số tài sản chung:

Một lô đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ số BQ 840023 thửa đất số 191, tờ bản đồ số 68 có diện tích 1774,5m² cho Hộ ông Thào Nhè C và bà Sùng Thị M cấp ngày 14/4/2014. Tài sản trên đất là một ngôi gỗ có diện tích 80m²; phần diện tích đất còn lại để không. Giá trị nhà và đất là 50.000.000 đồng.

Một lô đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ số BQ 840024 thửa đất số 194, tờ bản đồ số 68 có diện tích 3349,5m² cho Hộ ông Thào Nhè C và bà Sùng Thị M cấp ngày 14/4/2014. Trên toàn bộ diện tích đất trồng cây mì. Giá trị lô đất cùng cây trồng trên đất là 10.000.000 đồng.

Một chiếc xe máy cũ (Không rõ số khung, số máy, mất biển số) có giá trị là 3.000.000 đồng.

- Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thào Nhè C trình bày:

Ông C xác định lời trình bày của bà Mái khi tham gia tố tụng tại Tòa án là đúng. Ông cũng thừa nhận trước đây ông có uống rượu say xỉn và đánh bà M. Bản thân ông cũng đi ở với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn của gia đình ngày càng trầm trọng hơn.

Nay bà M làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà M là vợ chồng, ông đồng ý vì giữa ông bà cũng không còn tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Ông xác định lời trình bày của bà M là đúng và ông cũng đồng ý thỏa thuận giao cả 06 người con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông cho rằng, tài sản chung là nhà, đất đã giao hết cho vợ quản lý và sử dụng, bản thân ông không có tài sản gì, làm công việc lao động phổ thông, chủ yếu đi làm thuê nên công việc không được ổn định, do vậy ông không đồng ý cấp dưỡng để nuôi 03 người con là P, D1, G như bà M yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông xác định lời trình bày của bà M là đúng.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 02/11/2017 bà M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình về phần tài sản chung. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông C là vợ chồng, con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 02/11/2017 ông Thào Nhè C cũng xin rút một phần yêu cầu phản tố về tài sản. Qua đó ông C cũng đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà là vợ chồng, con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Các con của bà M và ông C qua các biên bản lấy lời khai đều trình bày: Các cháu không muốn cha mẹ ly hôn, trường hợp khi cha mẹ phải ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Sùng Thị M cho đầy đủ anh em.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX không công nhận bà M và ông C là vợ chồng.

Về con chung, có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 06 người con chung, yêu cầu ông C phải cấp dưỡng một tháng 1.200.000đ để nuôi các cháu Thào Thị P, Thào Thị D1 và Thào Mi G, mỗi cháu 400.000đ cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ông Thào Nhè C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/12/2017 ông C giữ quan điểm về vấn đề hôn nhân là bà M làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà M là vợ chồng, ông đồng ý vì giữa ông bà cũng không còn tình cảm với nhau nữa, ông C đồng ý giao cả 06 người con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, ông C không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật HNGĐ năm 2014. Không công nhận bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C là vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận là giao cả 06 người con chung là Thào Thị K; Thào Mí L; Thào Thị D; Thào Thị P; Thào Thị D1 và Thào Mi G cho bà Sùng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Ông C cho rằng không có tài và không có nghề nghiệp ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng để nuôi con chung là không hợp lý, để đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên và xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của bà M là chính đáng nên đề nghị HĐXX xem xét buộc C phải có trách nhiệm cấp dưỡng các cháu P, D1 và G mỗi tháng là 1.200.000đ, mỗi cháu 400.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Sùng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Thào Nhè C là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn U, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì giữa bà và ông C phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C thay đổi tính cách, thường hay rượu chè say xỉn, chửi bới và đánh đập bà M. Ngoài ra ông C còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông C cũng thừa nhận sự việc này, do đó bà M có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà với ông C là vợ chồng là có cơ sở. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....” Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà M với ông C sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ và ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, tuyên bố không công nhận bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C là vợ chồng.

Về con chung: bà M và ông C chung sống với nhau có 06 con chung là Thào Thị K, sinh ngày 10/7/2001; Thào Mí L, sinh ngày 06/8/2002; Thào Thị D, sinh ngày 15/9/2003; Thào Thị P, sinh ngày 09/10/2004; Thào Thị D1, sinh ngày 08/6/2015; Thào Mi G, sinh ngày 10/01/2017. Bà M và ông C cùng thống nhất thỏa thuận giao cả 06 người con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các cháu K, L, D và P đều đã từ đủ 07 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai để các cháu trình bày nguyện vọng của mình, qua ý kiến của các cháu đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở với bà M. Sự thỏa thuận đó phù hợp với nguyện vọng của các cháu và tại phiên tòa các đương sự cũng giữ nguyên ý kiến như đã thỏa thuận nên HĐXX xét thấy việc giao các cháu K, L, D, P, D1 và G cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định của pháp

luật nên HĐXX cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cả 06 người con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc ông bà cùng nhau phải có trách nhiệm nuôi dạy con cái trưởng thành là đúng quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Bà M cũng không yêu cầu ông C phải đóng góp phí tổn để nuôi con với 03 người con đầu là K, L và D. Còn đối với các cháu P, D1 và G, bà M yêu cầu ông C phải đóng góp 400.000đ/người/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc bà M yêu cầu như vậy là hợp lý, là điều kiện cần thiết đảm bảo cho các cháu có được cuộc sống tốt hơn, để các cháu có điều kiện ăn học cho đến tuổi trưởng thành, nên HĐXX cần chấp nhận và buộc ông C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, sau đó các đương sự đã tự thỏa thuận và có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố về phần tài sản chung, do vậy HĐXX đình chỉ xét xử về tài sản chung.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn Thào Nhè C đã nêu ý kiến tại bản tự khai và biên bản hòa giải thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ông Thào Nhè C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện và hợp lệ nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do.

[3] *Về án phí:* Năm 2017 Hộ ông Thào Nhè C và bà Sùng Thị M thuộc diện hộ nghèo của địa phương nên miễn toàn bộ án phí Tòa án cho bà M, ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sùng Thị M. Không công nhận bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận việc bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C thỏa thuận giao các con chung là Thào Thị K, sinh ngày 10/7/2001; Thào Mí L, sinh ngày 06/8/2002; Thào Thị D, sinh ngày 15/9/2003; Thào Thị P, sinh ngày 09/10/2004; Thào Thị D1, sinh ngày 08/6/2015; Thào Mí G, sinh ngày 10/01/2017 cho bà Sùng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Thào Nhè C không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật như; có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về cấp dưỡng:* Buộc ông Thào Nhè C phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho bà Sùng Thị M mỗi tháng là 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) để nuôi các cháu Thào Thị P, sinh ngày 09/10/2004; Thào Thị D1, sinh ngày 08/6/2015 và Thào Mí G, sinh ngày 10/01/2017, mỗi cháu 400.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật

[4] *Về án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Sùng Thị M và ông Thào Nhè C, do bà M và ông C là hộ nghèo

[5] *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Văn Hồi